

CẤU TRÚC KIỂM TRA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021-2022

TOÁN 6

Bài 1 (1,5 điểm).

- a) So sánh hai phân số cùng mẫu dương; nhận biết hai phân số bằng nhau.
- b) Tìm hỗn số dương.
- c) Làm tròn số thập phân.

Bài 2 (1,0 điểm).

Thực hiện từng bước các phép tính cộng, trừ nhân, chia với phân số.

Bài 3 (1,0 điểm).

Vận dụng các tính chất của phép cộng, phép nhân phân số, số thập phân để tính hợp lý

Bài 4 (1,0 điểm).

Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về phân số, số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm.

Bài 5 (2,0 điểm). Cho hình vẽ

- Nhận biết điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng; điểm nằm giữa hai điểm; hai đường thẳng cắt nhau, song song, tia
- Đo góc để xác định số đo góc; nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt).

Bài 6 (1,0 điểm).

- a) Vẽ được đoạn thẳng biết độ dài, xác định trung điểm của đoạn thẳng.
- b) Tính độ dài đoạn thẳng.

Bài 7 (2,0 điểm).

- a) Xác định hình có trục đối xứng, hình có tâm đối xứng.
- b) Sử dụng được phân số để mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần thông qua kiểm đếm số lần lặp lại của khả năng đó trong một số mô hình xác suất đơn giản; tính xác suất thực nghiệm.

Bài 8 (0,5 điểm). Tính toán phân số nâng cao.

MA TRẬN KIỂM TRA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021-2022

TOÁN 6

Mức độ Chủ đề	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Tổng
	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1. Phân số. Số thập phân	- Biết so sánh hai phân số cùng mẫu dương; nhận biết hai phân số bằng nhau. - Nhận biết được hỗn số dương.		- Thực hiện được các phép tính cộng, trừ nhân, chia với phân số. - Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân.		- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về phân số, số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm. - Vận dụng các tính chất của phép cộng, phép nhân phân số, số thập phân để tính hợp lí		- Tính toán phân số.		
Số câu		2		3		3		1	9
Số điểm		1,0		1,5		2,0		0,5	5,0
Tỉ lệ		10%		15%		20%		5%	50%
2. Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên			- Xác định hình có trục đối xứng, hình có tâm đối xứng.						
Số câu				1					1
Số điểm				1,0					1,0
Tỉ lệ				10%					10%
4. Các hình học cơ bản: Điểm, đường thẳng, tia, đoạn thẳng, góc	- Nhận biết điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng; điểm nằm giữa hai điểm; hai đường thẳng cắt nhau, song song, tia - Biết dùng thước đo góc để xác định số đo góc; nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt).		- Vẽ được đoạn thẳng biết độ dài, xác định trung điểm của đoạn thẳng.		- Tính độ dài đoạn thẳng				
Số câu		4		1		1			6
Số điểm		2,0		0,5		0,5			3,0
Tỉ lệ		20%		0,5%		0,5%			30%

5. Một số yếu tố xác suất			Sử dụng được phân số để mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần thông qua kiểm đếm số lần lặp lại của khả năng đó trong một số mô hình xác suất đơn giản; tính xác suất thực nghiệm.			
Số câu			1			1
Số điểm			1,0			1,0
Tỉ lệ			10%			10%
Tổng số câu	6	6	4	1	17	
Tổng số điểm	3,0	4,0	2,5	0,5	10,0	
Tỉ lệ	30%	40%	15%	5%	100%	

ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021-2022

MÔN: TOÁN 6

Thời gian làm bài: 90 phút

(Đề này gồm 02 trang)

Bài 1 (1,5 điểm).

a) So sánh: $\frac{-7}{11}$ và $\frac{-5}{11}$.

b) Cách viết nào sau đây là hỗn số: $1\frac{2}{3}$; $\frac{-3}{7}$; 1,2 ?

c) Làm tròn số 7,96123 đến chữ số thập phân thứ nhất.

Bài 2 (1,0 điểm). Thực hiện từng bước các phép tính

a) $\frac{5}{8} - \frac{2}{3}$;

b) $\frac{-2}{5} : \frac{-4}{5}$

Bài 3 (1,0 điểm). Tính hợp lí

a) $\frac{-3}{7} + \frac{-1}{19} + \frac{3}{7} + \frac{18}{-19} + 1$;

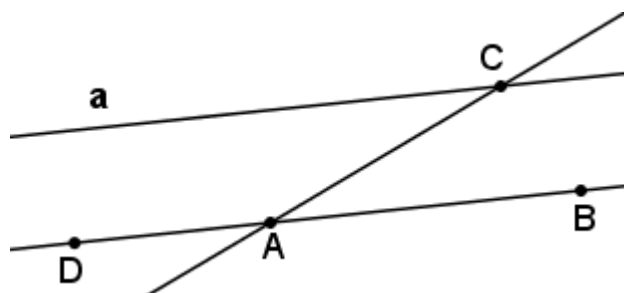
b) $(-2,3) \cdot 35,6 + 64,6 \cdot (-2,3)$

Bài 4 (1,0 điểm). Lớp 6A có 40 học sinh, số học sinh nữ chiếm $\frac{3}{5}$ số học sinh cả lớp.

a) Tính số học sinh nữ của lớp 6A.

b) Tính tỉ số phần trăm số học sinh nam so với số học sinh lớp 6A.

Bài 5 (2,0 điểm). Cho hình vẽ



a) Điểm nào thuộc đường thẳng a? Ba điểm nào thẳng hàng?

b) Đường thẳng nào cắt đường thẳng AB? Đường thẳng nào song song với đường thẳng AB?

c) Viết các tia gốc A.

d) Đo và cho biết số đo của góc BAC. Góc BAC là góc vuông, góc nhọn, góc tù hay góc bẹt?

Bài 6 (1,0 điểm).

a) Vẽ đoạn thẳng AB có độ dài bằng 6cm. Vẽ điểm C là trung điểm của đoạn thẳng AB.

b) Tính độ dài đoạn thẳng BC.

Bài 7 (2,0 điểm).

a) Trong các hình dưới đây, hình nào có trục đối xứng, hình nào có tâm đối xứng?



Hình 1



Hình 2



Hình 3

b) Trong hộp có một số bút xanh và một số bút đỏ. Lấy ngẫu nhiên 1 bút từ hộp, xem màu rồi trả lại. Lặp lại hoạt động trên 50 lần, ta được kết quả như sau:

Loại bút	Bút xanh	Bút đỏ
Số lần	32	18

Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện lấy được bút đỏ và dự đoán xem trong hộp loại bút nào có nhiều hơn.

Bài 8 (0,5 điểm). Tính tổng $\frac{1}{10} + \frac{1}{40} + \frac{1}{88} + \frac{1}{154} + \frac{1}{238} + \frac{1}{340}$.

– HẾT –